

Bản án số: 155/2020/HS-ST
Ngày: 19 – 5 – 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Yên.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đức Dích**

Bà **Lê Thị Xuân Hương**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Văn Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Viên** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 26A/2020/QĐST – HS ngày 26/3/2020 và Thông báo mở lại phiên tòa ngày 16/4/2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị S- Tên gọi khác: Không - Giới tính: Nữ

Sinh ngày 13/10/1972, tại tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: tổ 6b, khu 6, phường YK, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ và tên cha: Nguyễn Thế Dĩ - Sinh năm 1940; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Nhị - Sinh năm 1942; Anh chị em ruột: có 04 người, bị cáo là thứ hai; Có chồng là Phạm Văn Cần - Sinh năm 1969 (Trú tại tổ 6b, khu 6, phường YK, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh); Bị cáo có 2 con: lớn sinh năm 1996, nhỏ sinh năm 2007.

Tiền án, tiền sự: chưa có;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/11/2019; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

** Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bị hại: - Bà **Nguyễn Thị Hồng**, sinh năm 1947

Địa chỉ: Tổ 6b, khu 2, phường Hùng Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Nguyễn Thị Tần** - sinh năm 1957

Địa chỉ: Tổ 37, khu 3, phường Bạch Đằng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa có xin xét xử vắng mặt.

- Chị **Vũ Thị Sen**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Tổ 2, khu 4, phường Giếng Đáy, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa

- Chị **Nguyễn Thị Thuý**, sinh năm 1971

Địa chỉ: Tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa;

2. Người làm chứng: - Chị **Vũ Thị Hồng**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Tổ 16, khu 1, phường Bạch Đằng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa;

- Chị **Nguyễn Thị Lý**, sinh năm 1990

Địa chỉ: Tổ 18, khu 3, phường Hà Khánh, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà **Lê Thị Sót** – sinh năm 1951

Địa chỉ: Tổ 46, khu 4, phường Cao Xanh, Tp. H, tỉnh Quảng Ninh; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 07/5/2019 đến 01/6/2019 Nguyễn Thị S đã thực hiện 3 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố H, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: khoảng 12 giờ ngày 7/5/2019, Nguyễn Thị S có hành vi mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm xe mô tô, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 34B2 - 729.19, đến đoạn ngã ba chợ, thuộc tổ 6b, khu 2, phường Hùng Thắng, thành phố H, nhìn thấy bà Nguyễn Thị Hồng (sinh năm 1947) đang ngồi bán rau trước cửa nhà, S đến giả vờ hỏi mua rau muống rồi cùng bà Hồng nhặt rau. Sau khi nhặt rau xong, S đi ra phía sau để rửa tay thì phát

hiện 01 chiếc xô bằng nhựa, màu đỏ, không đáy nắp bên trong có 01 tập tiền được buộc dây nịt, lúc này bà Hồng mãi nhặt rau không để ý. S liền dùng tay phải lấy hết tập tiền, thì phát hiện thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, để ở trong xô phía dưới tập tiền. S lấy luôn cả chiếc điện thoại cất vào trong túi áo chống nắng đang mặc rồi điều khiển xe mô tô về nhà. S khai số tiền trộm cắp của bà Hồng 800.000đồng, còn chiếc điện thoại của bà Hồng, do không có giá trị nên S đã vứt đi trên đường về nhà.

Bà Hồng trình báo bị mất 2.000.000 đồng. Ngày 09/7/2019 S đã bồi thường cho bà Hồng 800.000đồng. Bà Hồng yêu cầu S phải bồi thường tiếp 1.200.000đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 06 giờ sáng ngày 26/5/2019, với hành vi trên, S tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 34B2 - 729.19 đến quán bán hàng của bà Nguyễn Thị Tần ở khu vực cổng Trung tâm y tế mở thuộc tổ 3, khu 1A, phường Cao Thắng, thành phố H, thấy bà Nguyễn Thị Tần và bà Lê Thị Sốt đang dọn dẹp tại quán bán hàng ăn đêm. Quan sát xung quanh không có ai, S đến gần chỗ bà Sốt ngồi nói chuyện, thì phát hiện 01 túi nilon màu đen để dưới gầm bàn nhựa trong quán. Nghĩ rằng bên trong có tài sản giá trị, lợi dụng lúc bà Tần và bà Sốt sơ hở mãi dọn quán và rửa bát không để ý, S đã lấy trộm chiếc túi nilon nêu trên của bà Tần, rồi đi ra xe mô tô điều khiển về nhà. Khi đi đến đoạn đầu đường Cao Xanh, S dừng lại kiểm tra trong túi nilon thì thấy bên trong có 01 túi vải màu xanh đen có quai xách, hình chữ nhật, kích thước 20x30cm, bên trong túi vải có 01 ví giả da kích thước khoảng 15x20cm, bên trong ví có 5.000.000 đồng và 01 túi nilon màu đỏ bên trong có 01 sợi dây chuyền vàng mặt hình trái tim vàng, 01 đôi hoa tai bằng vàng, dạng hình lá lúa, 03 chiếc nhẫn vàng trơn cùng 02 tờ tiền, mỗi tờ có mệnh giá 100 đô la Úc và 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Mỹ cùng một số giấy tờ khác. S lấy toàn bộ số tiền và vàng cho vào cốp xe, số còn lại những chiếc túi vải, túi nilon và ví cùng một số giấy tờ, S đã vứt vào xe rác ở ven đường. S khai số tài sản trộm cắp của bà Tần gồm: 5.000.000 đồng và 01 dây chuyền vàng mặt hình trái tim vàng, 01 đôi hoa tai bằng vàng, dạng hình lá lúa, 03 chiếc nhẫn vàng trơn cùng 5 tờ tiền nước ngoài (không rõ mệnh giá) và một số giấy tờ khác. Khoảng 11 giờ ngày 27/5/2019, S mang toàn bộ số vàng trộm cắp được của bà Tần đến cửa hàng vàng “ Lý Hồng” do chị Vũ Thị Hồng làm chủ ở cổng chợ H 1. Tại đây, S bán toàn bộ số vàng đã trộm cắp được 16.500.000đồng. Còn 03 tờ tiền ngoại tệ, S không nhớ đã để ở đâu mất. Bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Tần số tiền 70.000.000 đồng.

Bà Tần trình báo số tài sản bị mất phù hợp với lời khai của S về số túi, ví và số lượng vàng gồm 01 dây chuyền vàng 04 chỉ; 01 đôi hoa tai vàng hình bông lúa 3

chỉ và 3 chiếc nhẫn vàng trơn mỗi nhẫn 01 chỉ, đều là loại vàng 9999. Ngoài ra, bà Tần còn khai: Trong chiếc ví, bà còn để 40 tờ tiền mệnh giá 500.000đ= 20.000.000đ cùng 02 tờ tiền mệnh giá 100 đô la Úc, 01 tờ tiền mệnh giá 50 đô la Mỹ và trong chiếc túi nilon màu đỏ bà còn để số tiền khoảng 20.000.000 đồng, gồm nhiều tờ tiền có mệnh giá khác nhau. Tổng cộng số tiền bà Tần bị S chiếm đoạt là 80.782.718 đồng. Bà Tần đã nhận bồi thường 70.000.000 đồng, bà còn yêu cầu S phải bồi thường đủ số tiền còn lại và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Vụ thứ ba: Khoảng 14 giờ ngày 1/6/2019, cũng như hành vi trên, S điều khiển xe mô tô đi từ nhà đến khu vực bệnh viện Bãi Cháy, khi đi qua đoạn đường sắt thuộc tổ 2, khu 4, phường Giếng Đáy, thành phố H thì nhìn thấy chị Vũ Thị Sen là chủ quán nước đang ngồi một mình. Thấy vậy, S điều khiển xe mô tô đến dừng cách cửa quán khoảng 05-06 mét, quan sát thấy trong quán không có nước khoáng, S nói với chị Sen mua 80.000đồng nước khoáng và 04 chai nước trà xanh. Chị Sen bảo quán hết nước khoáng và nói với S chờ để chị đi lấy. S đồng ý, khi chị Sen đi khuất, S nhìn thấy chiếc tủ kim loại ở góc bên phải quán cửa không khóa. S đi đến mở tủ, thì thấy bên trong có 01 túi giả da có dây đeo, màu ghi kích thước 30x20cm. S liền lấy chiếc túi rồi điều khiển xe mô tô đi về phía cầu Bãi Cháy. Trên đường đi, S dừng xe lại lấy hết tiền trong chiếc túi, cất vào túi áo chống nắng đang mặc, còn chiếc túi S vứt sát mép đường rồi điều khiển xe về nhà. S khai số tiền trộm cắp của chị Sen là 7.600.000đồng. Chị Sen trình báo mất 11.500.000đồng. Ngày 09/7/2019, S đã bồi thường 7.600.000đồng cho chị Sen. Ngày 05/11/2019, bị cáo S bồi thường tiếp 3.900.000đồng. Chị Sen đã nhận đủ số tiền yêu cầu bồi thường và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 103, ngày 01/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố H kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng, loại 9999, khối lượng 04 chỉ có giá 14.580.000đồng và 03 nhẫn vàng, trơn, khối lượng 01 chỉ một nhẫn, có giá 10.935.000đồng. (Bút lục số 55,56)

Tại bản kết luận định giá tài sản số 171 ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 đôi hoa tai vàng, loại 9999, khối lượng 3 chỉ, định giá tại thời điểm bị xâm phạm có giá trị là 10.935.000đồng. (Bút lục số 58)

Tại công văn số 439/QUN1 của ngân hàng Nhà nước Việt Nam, chi nhánh tỉnh Quảng Ninh, xác định 200 đô la Úc có giá trị 3.179.418 đồng, 50 đô la Mỹ có giá trị 1.153.000đồng.

Trong thời gian bị cáo Nguyễn Thị S tại ngoại chờ xét xử, khoảng 12 giờ ngày 02/11/2019, S lại tiếp tục có hành vi mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm

soát: 34P1- 8187, đến quán tạp hoá của chị Nguyễn Thị Thuý, tại tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, hỏi mua 01 cây mía. S đưa cho chị Thuý 50.000 đồng. Chị Thuý mở nắp chiếc xô màu đỏ để lấy tiền trả lại. S nhìn thấy bên trong chiếc xô có nhiều tiền. S nảy ý định trộm cắp, nên đã đi ra ngoài mua 01 chiếc xô màu đỏ giống xô của chị Thuý cho vào trong chiếc túi nilon màu đen rồi điều khiển xe quay lại cửa hàng chị Thuý và hỏi chị Thuý “ *em có làm rơi chiếc chìa khoá cổng ở quán của chị không*”. Thấy chị Thuý bảo không, S lại giả vờ hỏi chị Thuý mua 30kg gạo. Lợi dụng lúc chị Thuý mãi cân gạo không để ý, S lấy chiếc xô mới mua ra khỏi túi, trao đổi lấy chiếc xô của chị Thuý bên trong có 72 chiếc thẻ điện thoại, gồm có 28 chiếc mệnh giá 100.000 đồng và 44 chiếc mệnh giá 50.000 đồng, tổng cộng là 5.000.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền mặt, cất bên trong chiếc túi nilon màu đen, rồi đi ra ngoài phóng xe về nhà. Trên đường đi, S dừng xe lại và lấy toàn bộ thẻ điện thoại trong chiếc xô cho vào trong túi nilon treo trên xe, còn chiếc xô, S vứt ở ven đường rồi điều khiển xe về nhà.

Tổng trị giá tài sản S chiếm đoạt của 4 vụ là 61.682.718 đồng (Sáu mươi một triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng).

Tại cơ quan Điều tra, Nguyễn Thị S khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Ngoài ra S còn khai: Số tiền trộm cắp được của bà Hồng, bà Tần, chị Sen và của chị Thuý, S đã ăn tiêu hết.

Vật chứng thu giữ: Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an thành phố H thu giữ :

+ 01 chiếc áo chống nắng màu xanh, in hoa màu trắng, chất liệu vải, nhãn hiệu “MK” của Công ty may TNHH Mạnh Khuyên; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu trắng, có kính nhựa bảo vệ phía trước, nhãn hiệu “Ander” và 01 khẩu trang chất liệu bằng vải, màu xanh nõn chuối.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát: 34P1-8187, xe đã cũ, không kiểm tra chất lượng xe; 01 chiếc túi xách màu đen, có hoa văn KT(25x16) cm, có dây đeo; 01 ĐTDĐ hiệu Sam sung Glaxy A10 màu đen đã cũ; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ; 01 chiếc áo chống nắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu đen, dạng mũ thể thao che nửa đầu, phía trước có chữ “Adidas” Và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.175.000đồng.

Cáo trạng số 21/CT-VKSHL ngày 09/1/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Điểm c, khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Điểm c, Khoản 2, Điều 173; điểm b, s khoản 1, Điều 51; Điểm i, g khoản 1, Điều 52; Điểm a, khoản 1, Khoản 2, Điều 47; Khoản 1, Điều 48 của Bộ

luật hình sự; Điểm a, khoản 2, Điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; đề nghị xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị S từ 30 (ba mươi) tháng tù đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày bắt 14/11/2019.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát: 34P1 - 8187 bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng màu xanh, in hoa màu trắng, chất liệu vải, nhãn hiệu “MK” của Công ty may TNHH Mạnh Khuyên; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu trắng, có kính nhựa bảo vệ phía trước, nhãn hiệu “Ander” và 01 khẩu trang chất liệu bằng vải, màu xanh nõn chuối.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc túi xách màu đen, có hoa văn KT(25x16) cm, có dây đeo; 01 ĐTDĐ hiệu Sam sung Glaxy A10 màu đen đã cũ; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ; 01 chiếc áo chống nắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu đen, dạng mũ thể thao che nửa đầu, phía trước có chữ “Adidas” Và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.175.000đồng nhưng tạm giữ 2.175.000đồng để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đủ cho chị Vũ Thị Sen, bà Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Tần. Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy số tiền 7.500.000đồng.

Trong quá trình điều tra và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị S đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, cùng công nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nói sau cùng: bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Bị hại Vũ Thị Sen, Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Tần, Nguyễn Thị Thúy có lời khai tại Cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo về thời gian, địa điểm các bà và các chị bị S chiếm đoạt tài sản. Đối với số tiền và tài sản những người bị hại bị S chiếm đoạt: Chị Sen trình báo mất số tiền 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Hồng trình báo mất số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Bà Tần khai mất tổng số tiền 80.782.718đ (Tám mươi triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng). Chị Nguyễn Thị Thúy khai bị mất tổng số tiền 7.500.000đ (Bảy trăm triệu năm trăm nghìn đồng) (trong đó 5.000.000đ tiền thẻ điện thoại và 2.500.000đ tiền mặt).

Người làm chứng bà Vũ Thị Hồng , Lê Thị Sót và Nguyễn Thị Lý có lời khai thể hiện về thời gian, địa điểm xảy ra sự việc phù hợp với lời khai nhận của bị cáo và những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan cảnh sát Điều tra, Kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Điều tra viên, cơ quan cảnh sát điều tra, Kiểm sát viên, cơ quan Viện kiểm sát. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp, phù hợp với các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, qua khai nhận của bị cáo, đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa đã đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 07/5/2019 đến ngày 01/6/2019, tại các phường Giếng Đáy, Hùng Thắng và phường Cao Thắng, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Thị S đã có hành vi mặc áo chống nắng, đeo khẩu trang, đội mũ bảo hiểm xe mô tô (loại cả đầu) điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 34B2 - 729.19 đi đến quán bán hàng vắng khách, lợi dụng sơ hở trộm cắp của chị Vũ Thị Sen 7.600.000đ (Bảy triệu sáu trăm nghìn đồng), của bà Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1947 (72 tuổi) 800.000 đồng và của bà Nguyễn Thị Tần 10 chỉ vàng trị giá 36.450.000đ (Ba mươi sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), 200 đô la Úc và 50 đô la Mỹ trị giá 4.332.178 đ (Bốn triệu ba trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi tám đồng) cùng 5.000.000 đ (Năm triệu đồng) tiền mặt. Tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 54.182.000đ (Năm mươi bốn triệu một trăm tám mươi hai nghìn đồng).

Trong thời gian tại ngoại chờ xét xử, bị cáo còn tiếp tục trộm cắp của chị Nguyễn Thị Thúy, trú tại tổ 1, khu 4, phường Hà Tu, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tổng giá trị tài sản là 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng ...”.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện tội phạm:

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm đến quyền sở hữu chính đáng và hợp pháp về tài sản của bị hại, là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Bị cáo là những người đã trưởng thành, có đủ sức khỏe, biết và nhận thức được tài sản của cá nhân, tổ chức được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến đều bị nghiêm cấm và nghiêm trị, nhưng chỉ vì thiếu ý thức chấp hành pháp luật, tham lam, tư lợi và mong muốn hưởng thụ thành quả lao động của người khác để thỏa mãn nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã phạm tội. Bị cáo lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đối tượng bị cáo nhắm vào là những người già, phụ nữ và là những người bán hàng. Hành vi của bị cáo thể hiện coi thường tài sản của tổ chức, cá nhân, ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của người khác và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo quyết tâm phạm tội cao, phạm tội liên tục và tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp trong thời gian tại ngoại chờ xét xử thể hiện việc coi thường pháp luật. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai là cần thiết, để cải tạo, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên và đối với người đủ 70 tuổi trở lên nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm I, g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, 2/4 người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s khoản 1 và khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng và bồi thường dân sự:

Bị cáo đã bồi thường cho bà Nguyễn Thị Hồng 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), bà Nguyễn Thị Tần 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), chị Vũ Thị Sen 11.500.000đ (Mười một triệu năm trăm nghìn đồng). Chị Sen không yêu cầu bồi thường thêm. Bà Nguyễn Thị Hồng trình báo mất tổng số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng); bà Tần khai mất tổng số tiền 80.782.718 đ (Tám mươi triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng). Tuy nhiên, quá trình điều tra chứng minh số tài sản bà Nguyễn Thị Hồng bị bị cáo xâm hại là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), bà Tần là 45.782.718đ (Bốn mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm mười tám đồng) nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Hồng và bà Tần.

Bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng: Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát: 34P1- 8187 bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng màu xanh, in hoa màu trắng, chất liệu vải, nhãn hiệu “MK” của Công ty may TNHH Mạnh Khuyên; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu trắng, có kính nhựa bảo vệ phía trước, nhãn hiệu “Ander” và 01 khẩu trang chất liệu bằng vải, màu xanh nõn chuối bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Trả lại cho bị cáo 01 chiếc túi xách màu đen, có hoa văn KT(25x16) cm, có dây đeo; 01 ĐTDĐ hiệu Sam sung Glaxy A10 màu đen đã cũ; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ; 01 chiếc áo chống nắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu đen, dạng mũ thể thao che nửa đầu, phía trước có chữ “Adidas” Và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.175.000đ (Hai triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) nhưng tạm giữ 2.175.000đ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c, Khoản 2, Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điểm i,g khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Nguyễn Thị S** phạm tội: “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị S **36 (ba mươi sáu) tháng** tù, thời hạn tính từ ngày bắt 14/11/2019.

Áp dụng: Điểm a, khoản 1, Khoản 2, Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điểm a, khoản 2, Điểm a, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 589 của Bộ luật Dân sự:

- Tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đỏ đen, biển kiểm soát: 34P1 - 8187 bị cáo dùng vào việc phạm tội. Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo chống nắng màu xanh, in hoa màu trắng, chất liệu vải, nhãn hiệu “MK” của Công ty may TNHH Mạnh Khuyên; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu trắng, có kính nhựa bảo vệ phía trước, nhãn hiệu “Ander” và 01 khẩu trang chất liệu bằng vải, màu xanh nõn chuối bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo 01 chiếc túi xách màu đen, có hoa văn KT(25x16) cm, có dây đeo; 01 ĐTDĐ hiệu Sam sung Glaxy A10 màu đen đã cũ; 01 ĐTDĐ hiệu Nokia 1280 màu đen đã cũ; 01 chiếc áo chống nắng; 01 chiếc mũ bảo hiểm xe mô tô màu đen, dạng mũ thể thao che nửa đầu, phía trước có chữ “Adidas” Và tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam 2.175.000đồng. Nhưng tạm giữ 2.175.000đồng để đảm bảo thi hành án. (Tình trạng toàn bộ vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng tài sản số 40/BB-THA ngày 07.11.2019 và số 109/BB-THA ngày 17/2/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H).

Buộc bị cáo phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Thúy 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Áp dụng: Điều 135, Điều 136; Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai, có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại Nguyễn Thị Hồng, Nguyễn Thị Tần, Vũ Thị Sen; có mặt bị hại Nguyễn Thị Thúy. Báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Báo cho những bị hại vắng mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Xuân Hương Nguyễn Đức Dích

Bùi Thị Yên